



Chương 8

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1

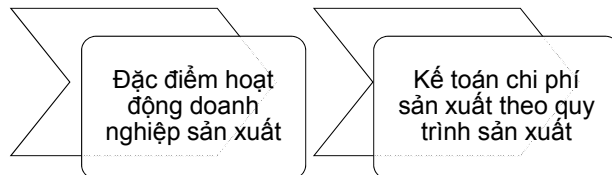
Mục tiêu

Sau khi nghiên cứu xong chương này, sinh viên có thể:

- ❑ Trình bày những đặc điểm của hoạt động sản xuất trong các doanh nghiệp;
- ❑ Giải thích các bộ phận cấu thành giá thành sản phẩm;
- ❑ Tính được giá thành sản phẩm hoàn thành;
- ❑ Mô tả được sơ đồ hạch toán tổng hợp của doanh nghiệp sản xuất;
- ❑ Lập được bảng tính giá thành sản phẩm

2

Nội dung



3

Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp sản xuất

- ❑ Quy trình sản xuất
- ❑ Chi phí sản xuất
- ❑ Phân loại chi phí theo khoản mục
- ❑ Giá thành sản phẩm

4

Quy trình sản xuất

Quy trình sản xuất là 1 chuỗi các công việc được thực hiện theo thứ tự để tạo ra sản phẩm trên cơ sở kết hợp:

- Nguyên vật liệu
- Nhân công
- Máy móc thiết bị
- Năng lượng và các yếu tố khác...

5

Chi phí sản xuất

- ❑ Chi phí sản xuất là chi phí phát sinh trong quy trình sản xuất sản phẩm.
- ❑ Chi phí sản xuất bao gồm các giá trị nguồn lực tiêu hao và giá trị của các yếu tố đầu vào đã được sử dụng để tạo ra sản phẩm.
 - Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
 - Thời gian lao động
 - Chi phí sử dụng MMTB
 - Điện, xăng, dầu,

6

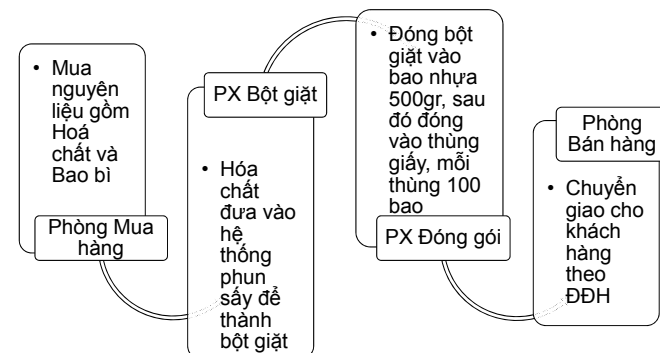
Phân loại chi phí theo khoản mục

- ❑ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- ❑ Chi phí nhân công trực tiếp
- ❑ Chi phí sản xuất chung

7

Bài tập thực hành 1

Quy trình mua hàng – sản xuất – tiêu thụ của công ty bột giặt Sumo



8

Bài tập thực hành 1 (tiếp)

Các chi phí trong tháng 2/20x1 tại công ty như sau:

1. Giá trị hóa chất xuất cho phân xưởng bột giặt: 3.200 triệu đồng
2. Giá trị bao bì xuất cho phân xưởng đóng gói: 600 triệu đồng
3. Giá trị dầu DO xuất cho phân xưởng bột giặt để làm nhiên liệu cho tháp phun sấy 800 triệu đồng
4. Giá trị xăng xuất cho Phòng Bán hàng để chuyên chở hàng đi giao cho khách hàng 120 triệu đồng
5. Giá trị bảo hộ lao động và công cụ phân bổ cho công nhân Phân xưởng Bột giặt 100 triệu đồng và Phân xưởng Đóng gói 30 triệu đồng
6. Tiền lương trong kỳ của các đối tượng như sau:
 - a. Công nhân trực tiếp sản xuất ở Phân xưởng Bột giặt và Phân xưởng đóng gói lần lượt là 400 triệu đồng và 240 triệu đồng.
 - b. Nhân viên phân xưởng (quản đốc, hành chính và cơ điện) của hai phân xưởng trên lần lượt là 30 triệu đồng và 25 triệu đồng.
 - c. Nhân viên Phòng bán hàng là 40 triệu đồng

9

Bài tập thực hành 1 (tiếp)

7. Khấu hao tài sản cố định tính cho các bộ phận như sau: Phân xưởng Bột giặt 60 triệu đồng, Phân xưởng Đóng gói 35 triệu đồng và Phòng bán hàng 30 triệu đồng.
8. Chi phí hành chính (văn phòng phẩm, điện thoại, nước...) chi bằng tiền gồm: Phân xưởng Bột giặt 10 triệu đồng, Phân xưởng Đóng gói 6 triệu đồng và Phòng bán hàng 12 triệu đồng.

NV	Chi phí NVLTT	Chi phí NCTT	Chi phí SXC
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
Tổng			

10

Giá thành sản phẩm

- Thành phẩm và Sản phẩm dở dang
- Giá thành và chi phí sản xuất

11

Thành phẩm và Sản phẩm dở dang

- Thành phẩm** là sản phẩm đã hoàn tất quy trình sản xuất và đạt tiêu chuẩn chất lượng, đã nhập kho hoặc giao cho khách hàng.
- Sản phẩm dở dang** là sản phẩm chưa hoàn tất quy trình sản xuất hoặc chưa đạt tiêu chuẩn chất lượng.

12

Giá thành và chi phí sản xuất

- ❑ Chi phí sản xuất: chi phí phát sinh trong quy trình sản xuất sản phẩm.
- ❑ Giá thành sản phẩm: Toàn bộ chi phí sản xuất để tạo ra một lượng sản phẩm hoàn thành trong một khoảng thời gian nhất định.

CPSX dở dang đầu kỳ (SP dở dang đầu kỳ)	CPSX phát sinh trong kỳ (SP đang chế biến trong kỳ)
Giá thành sản phẩm hoàn thành (Thành phẩm)	CPSXDD cuối kỳ (SPDD cuối kỳ)

13

Bài tập thực hành 2

Tiếp theo BTTH 1. Thông tin bổ sung

- Chi phí SXDD đầu kỳ là 470 triệu đồng
- Chi phí SXDD cuối kỳ là 767 triệu đồng
- Sản phẩm hoàn thành 1.000 thùng bột giặt.

Yêu cầu:

- Tính giá thành sản phẩm hoàn thành
- Tính giá thành đơn vị sản phẩm.

14

Kế toán CPSX theo quá trình sản xuất

- Đặc điểm
- Tổ chức tài khoản để tập hợp CPSX
- Đánh giá sản phẩm dở dang
- Kết chuyển chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm hoàn thành
- Lập bảng tính giá thành sản phẩm

15

Đặc điểm

- Áp dụng tại các doanh nghiệp sản xuất hàng loạt các sản phẩm đồng nhất hoặc tương tự nhau trong nhiều kỳ sản xuất
- Đáp ứng nhu cầu thông tin của nhà quản trị về giá thành đơn vị thực tế ở từng kỳ nhất định để:
 - Quyết định giá bán
 - Kiểm soát chi phí

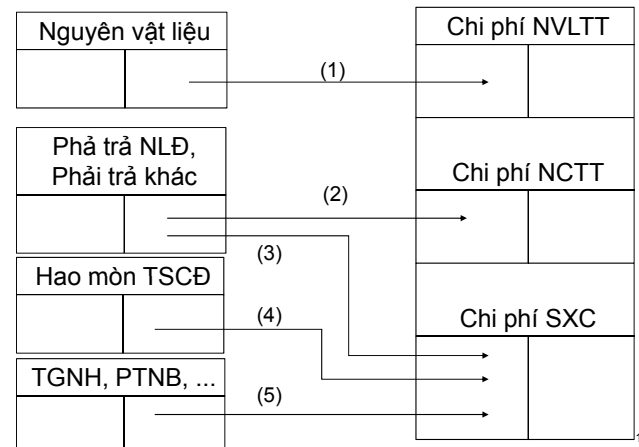
16

Tổ chức tài khoản để tập hợp CPSX

- TK Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- TK Chi phí nhân công trực tiếp
- TK Chi phí SXC

17

Tổ chức tài khoản để tập hợp CPSX



Ví dụ 1

Công ty ABC tập hợp chi phí sản xuất trong tháng 9/20x6 như sau:

1. Xuất NVL để sản xuất sản phẩm là 209.280.000đ.
2. Cuối tháng, tính lương và các khoản phải trả cho người lao động gồm:
 - a. Lương nhân công sản xuất: 32.600.000đ
 - b. Lương nhân viên quản lý PX: 10.000.000đ
 - c. Các khoản phải trả khác cho CNSX: 7.498.000đ
3. Trích khấu hao máy móc sản xuất là 8.000.000đ
4. Dịch vụ mua ngoài sử dụng ở PXSX đã chi bằng tiền mặt là 1.560.000đ

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ và phản ánh vào TK chữ T các TK chi phí NVLTT, NCTT và SXC

19

Đánh giá sản phẩm dở dang

- Cuối kỳ, kiểm kê số lượng sản phẩm dở dang và sử dụng phương pháp thích hợp để tính được giá trị của sản phẩm dở dang cuối kỳ
 - Giá trị của sản phẩm dở dang đầu kỳ là Số dư đầu kỳ của TK Chi phí sản xuất dở dang
 - Giá trị của sản phẩm dở dang cuối kỳ là Số dư cuối kỳ của TK Chi phí sản xuất dở dang

20

Ví dụ 2

Tiếp theo ví dụ 1:

- Sản phẩm dở dang đầu kỳ là 20 sản phẩm với giá trị được đánh giá là 2.623.000 đ.
- Sản phẩm dở dang cuối kỳ là 40 sản phẩm với giá trị được đánh giá là 4.086.000 đ.
- Số lượng sản phẩm hoàn thành là 6.500 sản phẩm.

Yêu cầu: Tính tổng giá thành sản phẩm hoàn thành.

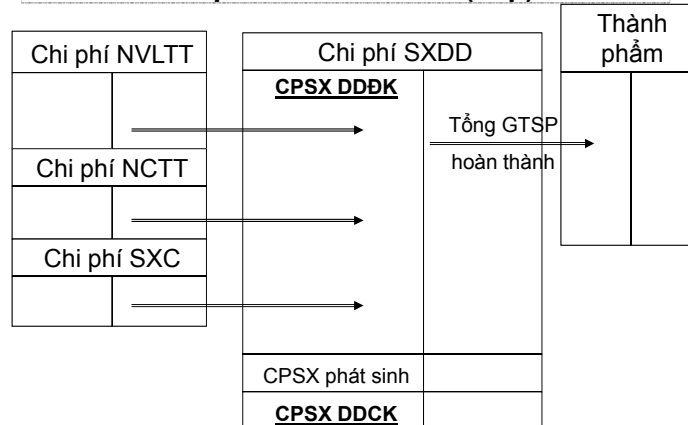
21

Kết chuyển chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm hoàn thành

- Cuối kỳ,
 - Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất bằng cách thực hiện bút toán kết chuyển CPSX (CPNVLT, CPNCTT, CPSXC) sang TK Chi phí sản xuất dở dang.
 - Tính giá thành sản phẩm hoàn thành

22

Kết chuyển chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm hoàn thành (tiếp)



23

Ví dụ 3

Tiếp theo ví dụ 1,2

Yêu cầu:

- Thực hiện bút toán kết chuyển CPSX
- Tính tổng giá thành sản phẩm hoàn thành.
- Thực hiện bút toán nhập kho thành phẩm
- Tính giá thành đơn vị

24

Ví dụ 4

Tiếp theo ví dụ 1,2,3

Yêu cầu: Lập bảng tính giá thành tháng 9/20x6

25

Lập bảng tính giá thành sản phẩm

Bảng tính giá thành				
Tháng năm				
Số lượng sản phẩm hoàn thành:				
	Chi phí NVLTT	Chi phí NCTT	Chi phí SXC	Tổng cộng
1. CPSX dở dang đầu kỳ				
2. CPSX phát sinh trong kỳ				
3. CPSX dở dang cuối kỳ				
4. Giá thành SP hoàn thành				
5. Giá thành đơn vị SPHT				

26